

Số: 18/2025/QĐST-VLĐ

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 4 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

“V/v Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu theo quy định của pháp luật”

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lưu Thị Tuyết Nhung

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Hà Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên họp:
Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số 20/2025/TLST-VLĐ ngày 01/4/2025 về việc “*Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu theo quy định của pháp luật*” theo Quyết định mở phiên họp số 20/2025/QĐST-VLĐ ngày 11/4/2025, đối với:

Người yêu cầu giải quyết việc lao động: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn Q, xã C, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt – có đơn đề nghị vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH C; địa chỉ: Lô B khu công nghiệp Q, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện theo pháp luật: Ông SHIGEYUKI OKAMOTO – Tổng giám đốc;
Đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị Ngọc A – Trưởng phòng hành chính và nhân sự, chi nhánh Q. Vắng mặt – có đơn đề nghị vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn Q, xã C, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt – có đơn đề nghị vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội liên huyện thành phố Bắc Ninh - Q; địa chỉ: Số C,

đường L, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh;

Đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị Minh H - Giám đốc.

Vắng mặt - có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

** Tại đơn yêu cầu và bản tự khai, người yêu cầu giải quyết việc lao động là chị Nguyễn Thị S trình bày:*

Chị Nguyễn Thị S và chị Nguyễn Thị M là chị em ruột. Năm 2010, chị S có cho chị Nguyễn Thị M, sinh ngày 04/04/1978 mượn chứng minh nhân dân (CMND) để làm hồ sơ xin việc tại Công ty TNHH C (gọi tắt là Công ty) do chị S và chị M không hiểu biết pháp luật, nghĩ đơn giản là cho chị M mượn để đi xin việc làm. Chị M đã sử dụng tên Nguyễn Thị S để ký hợp đồng lao động và đi làm tại Công ty trong thời gian từ ngày 29/10/2010 đến ngày 30/4/2016 thì nghỉ việc. Khi làm việc tại Công ty thì chị M có tham gia bảo hiểm xã hội (gọi tắt là BHXH) và được cấp sổ bảo hiểm, mã số: 2710010446 mang tên Nguyễn Thị S. Đến ngày 30/4/2016, chị M đã chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty với tên người lao động là Nguyễn Thị S, đã được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần.

Trong thời gian cho chị M mượn tên để đi làm tại Công ty TNHH C, chị Nguyễn Thị S có ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH H1, tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2014 đến nay với mã số sổ 2714055503.

Hiện nay chị Nguyễn Thị S đang có hai sổ bảo hiểm xã hội cùng mang tên Nguyễn Thị S, sinh ngày 26/01/1980 bị trùng quá trình bảo hiểm do chị M làm việc và tham gia bảo hiểm ở Công ty TNHH C.

Vì lý do trên, chị Nguyễn Thị S đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Nguyễn Thị M (dưới tên người lao động là Nguyễn Thị S) và Công ty TNHH C là vô hiệu và đề nghị giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu trên. Chị S yêu cầu giải quyết về phần hậu quả cho phép hiệu chỉnh sổ bảo hiểm xã hội, cấp lại hoặc cấp mới sổ BHXH trong thời gian chị M làm việc tại Công ty TNHH C, xác nhận chị S chỉ có một sổ BHXH duy nhất, mã số sổ là 2714055503. Còn các vấn đề khác liên quan đến BHXH trong thời gian thực tế chị M có làm việc tại Công ty TNHH C và nhận tiền trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH C trình bày:*

Vào ngày 29/10/2010, Công ty TNHH C có ký hợp đồng lao động với chị

Nguyễn Thị S, sinh ngày 26/01/1980; số CMTND 125314798 theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi ký hợp đồng, Công ty TNHH C đã tiến hành đóng bảo hiểm xã hội cho chị Nguyễn Thị S theo quy định. Đến ngày 30/4/2016, chị S đã nghỉ việc tại Công ty và được Công ty trả lại sổ bảo hiểm xã hội số 2710010446.

Nay chị Nguyễn Thị S đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động nêu trên vô hiệu thì phía công ty C1 đề nghị Tòa án giải quyết việc lao động này theo quy định của pháp luật trên cơ sở nhằm bảo vệ người lao động vì trên thực tế chị Nguyễn Thị M (dưới tên người lao động là Nguyễn Thị S) có đi làm, có hưởng lương và tham gia BHXH.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị M trình bày:*

Năm 2010, do thiếu hiểu biết pháp luật nên chị Nguyễn Thị M có mượn chứng minh nhân dân của chị Nguyễn Thị S, sinh ngày 26/01/1980 là em ruột của chị M để làm hồ sơ xin việc tại Công ty TNHH C. Từ ngày 29/10/2010 đến ngày 30/4/2016, chị M ký hợp đồng và làm việc tại Công ty TNHH C nhưng tên người lao động là Nguyễn Thị S. Khi làm việc tại Công ty thì chị M có tham gia bảo hiểm xã hội và được cấp sổ bảo hiểm với mã số sổ 2710010446 mang tên Nguyễn Thị S. Đến 30/4/2016, chị M đã chấm dứt hợp đồng lao động với công ty với tên người lao động là Nguyễn Thị S, đã được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần.

Đến nay, chị S có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị M (dưới tên người lao động là Nguyễn Thị S) và Công ty TNHH C là vô hiệu. Chị M đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Còn các vấn đề khác liên quan đến bảo hiểm xã hội trong thời gian chị M thực tế có làm việc tại Công ty TNHH C, nhận tiền trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần dưới tên chị S thì chị M và chị S đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội liên huyện thành phố Bắc Ninh - Q:*

Việc chị Nguyễn Thị S cho chị Nguyễn Thị M mượn chứng minh thư nhân dân để làm hồ sơ đi xin việc và ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH C và tham gia đóng BHXH được cấp sổ bảo hiểm mã số 2710010446 mang tên Nguyễn Thị S là trái quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trên thực tế chị Nguyễn

Thị M có đi làm, có hưởng lương, có tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (BHXH, BHYT, BHTN), đã được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần. Sự việc trên là do người lao động không hiểu biết pháp luật khi tự ý cho nhau mượn Chứng minh thư nhân dân để giao kết hợp đồng lao động, tham gia BHXH là trái quy định của pháp luật, một phần cũng do đơn vị sử dụng lao động thiếu trách nhiệm khi kiểm tra hồ sơ lao động trước khi giao kết hợp đồng lao động.

Để giải quyết vụ việc đảm bảo tính nhân văn, phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị S, tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa tên người lao động là chị Nguyễn Thị S với Công ty TNHH C (số bảo hiểm xã hội số 2710010446) là vô hiệu, đồng thời đề nghị Tòa án xem xét phần tham gia BHXH, BHYT, BHTN của chị Nguyễn Thị M tại Công ty TNHH C, cho phép hiệu chỉnh hồ sơ BHXH, cấp lại (hoặc cấp mới) sổ BHXH đối với thời gian chị M mượn CMND của chị S để ký hợp đồng lao động, làm việc tại Công ty và tham gia BHXH.

Tại phiên họp, người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và có đề nghị xin vắng mặt. Các đương sự đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tại phiên họp đã tuân theo đúng các quy định của chương XXIII Bộ luật tố tụng dân sự về thủ tục giải quyết việc dân sự; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 68, 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về phần nội dung:

Căn cứ các Điều 122, 127, 132 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 117, 122, 127 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 29 Bộ luật lao động năm 1994 sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006 và 2007; Điều 52 Bộ luật lao động năm 2012; các Điều 15; Điều 50; Điều 51 Bộ luật lao động năm 2019; Điều 55 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006; Điều 60 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, Điều 371, 372 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ

phí Tòa án:

Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị S1. Tuyên bố Hợp đồng lao động ký kết trong thời gian từ ngày 29/10/2010 đến ngày 30/4/2016 (số sổ: 2710010446) dưới tên người lao động là Nguyễn Thị S, sinh ngày 26/01/1980 với chủ sử dụng lao động là Công ty TNHH C là vô hiệu, giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật.

Người yêu cầu phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động được thẩm tra tại phiên họp; quan điểm đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn yêu cầu ngày 19/3/2025, chị Nguyễn Thị S đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh giải quyết yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh thụ lý và giải quyết trong phạm vi yêu cầu của người yêu cầu. Hợp đồng lao động được thực hiện tại Công ty TNHH C, có địa chỉ tại: Lô B khu công nghiệp Q, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh nên Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị S đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH C với chị Nguyễn Thị M (tên người lao động là chị Nguyễn Thị S) vô hiệu:

Qua lời khai của người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ xác định: Vào thời gian từ ngày 29/10/2010 đến ngày 30/4/2016, do thiếu hiểu biết pháp luật, chị Nguyễn Thị M đã mượn CMND để làm hồ sơ xin việc mang tên chị Nguyễn Thị S để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH C là không trung thực khi giao kết hợp đồng lao động. Hợp đồng lao động chị M và Công ty TNHH C giao kết trong thời gian này vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng, vi phạm nguyên tắc trung thực theo quy định tại Điều 17 và Điều 50 Bộ luật lao động năm 2012 (nay là Điều 15 và Điều 49 Bộ luật lao động năm 2019).

Do vậy, đề nghị của chị Nguyễn Thị S yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa chị Nguyễn Thị M dưới tên người lao động là Nguyễn

Thị S với Công ty TNHH C vô hiệu là có cơ sở, cần được chấp nhận.

Căn cứ các hợp đồng lao động đã được ký kết, chị Nguyễn Thị M đã tham gia lao động tại Công ty TNHH C trong thời gian từ ngày 29/10/2010 đến ngày 30/4/2016 và đã tham gia BHXH dưới tên Nguyễn Thị S, sinh ngày 26/01/1980 với số sổ bảo hiểm 2710010446. Đối với chị Nguyễn Thị S, chị S có ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH H1 và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2014 đến nay với mã số sổ 2714055503.

Xét 02 sổ bảo hiểm trên thì thấy rằng sổ bảo hiểm có mã số 2710010446 phát sinh từ hợp đồng lao động vô hiệu và không đúng với thực tế lao động của chị Nguyễn Thị S. Do vậy, cần xác định chị Nguyễn Thị S, sinh ngày 26/01/1980 có duy nhất 01 sổ bảo hiểm xã hội số 2714055503 phát sinh từ quá trình chị S lao động tại Công ty TNHH H1.

[3] Về giải quyết hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 52 của Bộ luật lao động năm 2012, tương ứng với khoản 2 Điều 51 của Bộ luật lao động năm 2019 thì *“Khi hợp đồng lao động bị tuyên bố vô hiệu toàn bộ thì quyền, nghĩa vụ và lợi ích của người lao động được giải quyết theo quy định của pháp luật; trường hợp do ký sai thẩm quyền thì hai bên ký lại.”*.

Theo điểm c khoản 2 Điều 10 và khoản 3 Điều 10 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính Phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động và điều kiện lao động và quan hệ lao động thì *“thời gian người lao động làm việc theo hợp đồng lao động bị tuyên bố vô hiệu được tính là thời gian làm việc của người lao động cho người sử dụng lao động để làm căn cứ thực hiện chế độ theo quy định của pháp luật về lao động.”*

Hợp đồng lao động giao kết giữa chị Nguyễn Thị M (mượn tên người lao động là Nguyễn Thị S) với Công ty TNHH C đã chấm dứt từ ngày 30/4/2016. Khi hợp đồng lao động chấm dứt, chị Nguyễn Thị M đã nhận tiền trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần dưới tên Nguyễn Thị S, tuy nhiên đối với số tiền trợ cấp này thì chị M và tự S đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Tòa án xem xét giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động liên quan đến vấn đề hiệu chỉnh hồ sơ, sổ bảo hiểm xã hội và các vấn đề liên quan đến BHXH. Do đó, chị Nguyễn Thị S, chị Nguyễn Thị M và Công ty TNHH C cần phối hợp

với Bảo hiểm xã hội liên huyện thành phố Bắc Ninh - Q để hiệu chỉnh hồ sơ BHXH, cấp lại hoặc cấp mới sổ BHXH và giải quyết các vấn đề liên quan đến BHXH đối với thời gian chị M mượn hồ sơ của chị S để làm việc và tham gia BHXH tại Công ty TNHH C.

[4] Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu lệ phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, Điều 371, 372, 401, 402 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ các Điều 122, 127, 132 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 117, 122, 127 Bộ luật dân sự 2015; Điều 29 Bộ luật lao động năm 1994 sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006 và 2007; các Điều 17, 50, 51, 52 Bộ luật lao động năm 2012; các Điều 15, 49, 50, 51 Bộ luật lao động năm 2019; Điều 55 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006; Điều 60 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 10 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính Phủ và Công văn số 1767/LĐTBOXH- BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị S:

Tuyên bố Hợp đồng lao động ký kết trong thời gian từ ngày 29/10/2010 đến ngày 30/4/2016 (số sổ BHXH: 2710010446) dưới tên người lao động là Nguyễn Thị S, sinh ngày 26/01/1980 với chủ sử dụng lao động là Công ty TNHH C là vô hiệu.

Xác nhận chị Nguyễn Thị S, sinh ngày 26/01/1980 (CMND số 125314798; Căn cước công dân số 027180009820) có duy nhất 01 sổ bảo hiểm xã hội số: 2714055503.

2. Giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu:

Chị Nguyễn Thị S, chị Nguyễn Thị M và Công ty TNHH C cần phối hợp với Bảo hiểm xã hội liên huyện thành phố Bắc Ninh - Q để hiệu chỉnh hồ sơ BHXH, cấp lại hoặc cấp mới sổ BHXH và giải quyết các vấn đề liên quan đến BHXH đối với thời gian chị M mượn hồ sơ của chị S để làm việc và tham gia BHXH tại Công ty TNHH C.

3. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết

việc lao động sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000299 ngày 28/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị S đã nộp đủ.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc lao động trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết hợp lệ.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc lao động trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND TP Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lưu Thị Tuyết Nhung